

Số: 13/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về phân loại đô thị;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 445/2009/QĐ-TTg ngày 07 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ đến năm 2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2013 về việc đề nghị thông qua Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 84/BC-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu phát triển vùng

- Cụ thể hoá các chủ trương chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đối với vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020;

- Phát huy, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội, ngoại vùng, thế mạnh về du lịch, tài nguyên khoáng sản, nông, lâm nghiệp, văn hóa, sinh thái, vị trí địa lý phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, tạo sự liên kết và hỗ trợ phát triển giữa đô thị và nông thôn;

- Lựa chọn mô hình phát triển đô thị trong toàn tỉnh; xác định vị thế, vai trò, động lực của từng đô thị trong mối liên kết của hệ thống đô thị toàn tỉnh;

- Thiết lập cơ sở pháp lý, chỉ đạo các ngành các cấp chính quyền trong việc lập quy hoạch chung đô thị trong tỉnh và lập các dự án đầu tư xây dựng cấp vùng, liên đô thị; xây dựng chương trình kế hoạch và hoạch định chính sách phát triển, quản lý đô thị.

2. Tầm nhìn của vùng

- Nằm trong vùng có vị thế kinh tế, văn hóa quan trọng của cả nước, có hệ thống đô thị phát triển với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại;

- Là một vùng không gian lãnh thổ phát triển bền vững; vùng có môi trường dịch vụ đô thị, dịch vụ công nghiệp, dịch vụ du lịch có chất lượng; vùng di tích lịch sử cách mạng, có vị thế Quốc gia - Quốc tế.

3. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Tuyên Quang với tổng diện tích tự nhiên 586.732,71 ha, ranh giới tiếp giáp với các địa phương gần kề như sau:

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Hà Giang;
- Phía Đông giáp tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên;
- Phía Nam giáp tỉnh Phú Thọ;
- Phía Đông Nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phía Tây giáp tỉnh Yên Bái.

4. Dự báo dân số

Tỉnh Tuyên Quang có vị trí địa lý thuận lợi phù hợp với chiến lược phát triển dân số (*bao gồm tăng tự nhiên, tăng cơ học*), có cơ hội tiếp nhận sự lan tỏa kinh tế - xã hội của vùng thủ đô Hà Nội, vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Trong giai đoạn tới tỉnh Tuyên Quang sẽ là một trong những tỉnh có tốc độ công nghiệp hóa cao, nhu cầu lao động công nghiệp, dịch vụ tăng, các khu du lịch có qui mô lớn được xây dựng tạo tiền đề cho quá trình đô thị hóa trong tỉnh.

- Năm 2012 dân số tỉnh Tuyên Quang có 739.668 người; trong đó dân số đô thị 134.810 người (*chiếm tỷ lệ 18,23%*) và dân số nông thôn 604.858 người (*chiếm tỷ lệ 81,77%*);

- Năm 2015: Khoảng 824.300 người, trong đó dân số đô thị khoảng 219.779 người (*chiếm tỷ lệ 26,7%*) và dân số nông thôn khoảng 604.521 người (*chiếm tỷ lệ 73,3%*);

- Năm 2025: Khoảng 933.400 người, trong đó dân số đô thị khoảng 399.486 người (*chiếm tỷ lệ 42,8%*) và dân số nông thôn khoảng 533.914 người (*chiếm tỷ lệ 57,2%*).

5. Dự báo quy mô sử dụng đất

- Đất xây dựng đô thị năm 2015: Khoảng 20.811 ha, bao gồm diện tích chưa lấp đầy, đang phát triển phục vụ cho các giai đoạn tiếp theo, bình quân 130 - 170m²/người; đất xây dựng khu dân dụng 80 - 100m²/người.

- Năm 2025: Khoảng 22.411 ha, bao gồm cả các diện tích chưa lấp đầy, đang phát triển phục vụ cho các giai đoạn tiếp theo, bình quân 120 - 150 m²/người; đất xây dựng khu dân dụng 80 - 100 m²/người.

6. Định hướng phát triển không gian vùng, tổ chức đơn vị hành chính, hệ thống đô thị và hệ thống điểm dân cư nông thôn

6.1. Định hướng phát triển không gian vùng và tổ chức hệ thống đô thị

a) Định hướng chung: Là vùng phát triển kinh tế tổng hợp gồm công nghiệp, du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái, thương mại - dịch vụ, giáo dục đào tạo và nông - lâm - ngư nghiệp quanh đô thị hạt nhân cấp tỉnh, cấp khu vực, các đô thị đặc thù.

b) Định hướng phát triển không gian vùng

Bao gồm 03 vùng chính:

* *Vùng núi phía Bắc tỉnh*: Bao gồm 05 huyện, thị xã: Thị xã Na Hang; huyện Na Hang mới; huyện Lâm Bình; huyện Chiêm Hóa và huyện Hàm Yên.

- Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồi núi phía Bắc với nhịp độ nhanh nhằm thực hiện giảm nghèo, rút ngắn sự chênh lệch về điều kiện sống và tiến bộ xã hội với các vùng khác của tỉnh;

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống cấp điện, cung cấp nước sạch, thủy lợi... phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao trình độ dân trí và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng;

- Đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp, phát huy lợi thế của vùng về cây công nghiệp, cây ăn quả; tập trung phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa; phát triển vùng nguyên liệu giấy cho sản xuất và xuất khẩu; phát triển khai thác, chế biến khoáng sản... tập trung phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa;

- Ngoài thủy điện Tuyên Quang, thủy điện Chiêm Hóa tiếp tục đầu tư xây dựng các thủy điện vừa và nhỏ; phát triển hạ tầng, sản xuất dịch vụ, du lịch sinh thái gắn với khai thác khu vực lòng hồ thủy điện Tuyên Quang làm động lực phát triển.

* *Vùng trung tâm tỉnh*: Bao gồm thành phố Tuyên Quang và vùng phụ cận; phần đầu xây dựng thành phố Tuyên Quang là đô thị loại II với tính chất là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, đầu mối giao thông là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội các vùng trong tỉnh.

- Hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đặc biệt là mạng lưới giao thông và mạng lưới thông tin liên lạc, đảm bảo thông suốt với các vùng trong tỉnh và khu vực.

- Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông lâm sản, khoáng sản... Quy hoạch, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng cụm các Khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị Long Bình An nhằm thu hút đầu tư.

- Khai thác điểm du lịch suối khoáng Mỹ Lâm thành điểm du lịch đột phá của du lịch Tuyên Quang, đồng thời phát triển các khu du lịch lịch sử văn hóa, sinh thái, du lịch tâm linh tại thành phố Tuyên Quang; phát huy tiềm năng cảnh quan của sông Lô đoạn qua thành phố Tuyên Quang.

* *Vùng phía Nam tỉnh*: Bao gồm huyện Yên Sơn, huyện Sơn Dương và huyện mới thành lập (*dự kiến trung tâm huyện đặt tại xã Hồng Lạc*).

- Đây là vùng có tài nguyên về khoáng sản, có diện tích đất nông nghiệp lớn, có Di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, là vùng đông dân, dân trí tương đối phát triển.

- Tập trung phát triển nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; đẩy mạnh công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, lâm sản; bảo tồn, tôn tạo khu căn cứ cách mạng, đầu tư xây dựng Khu du lịch lịch sử văn hóa và sinh thái quốc gia Tân Trào.

c) Phát triển các trung tâm tăng trưởng kinh tế (*công nghiệp và du lịch*)

* *Không gian kinh tế công nghiệp*

- Cụm công nghiệp Na Hang: Gồm công nghiệp chế biến khoáng sản, nông lâm thủy sản, cơ khí, sửa chữa, phương tiện thủy;

- Cụm công nghiệp Chiêm Hoá: Gồm công nghiệp chế biến khoáng sản, nông lâm sản, thực phẩm, thức ăn gia súc;

- Cụm công nghiệp Hàm Yên: Gồm công nghiệp chế biến khoáng sản, lâm sản, chế biến chè, thực phẩm;

- Cụm công nghiệp Yên Sơn: Gồm công nghiệp chế biến nông lâm sản, khoáng sản;

- Cụm công nghiệp Sơn Nam: Gồm công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, may mặc, chế biến khoáng sản;

- Cụm các khu công nghiệp, dịch vụ, đô thị Long Bình An: Chế biến thực phẩm, cơ khí chế tạo, chế biến khoáng sản, chế biến lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, bao bì, hàng gia dụng.

** Không gian kinh tế du lịch*

Tổ chức phát triển du lịch theo lãnh thổ bao gồm các khu, điểm và tuyến du lịch như sau:

Khu du lịch:

- Khu du lịch lịch sử văn hoá và sinh thái quốc gia Tân Trào: Bao gồm toàn bộ di tích lịch sử cách mạng, làng văn hoá (tại các xã Tân Trào, Bình Yên, Minh Thanh, Trung Yên, Trung Sơn, Kim Quan, Đạo Viện, Kim Bình, Mỹ Bằng... và thành phố Tuyên Quang).

- Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm, huyện Yên Sơn.

- Khu du lịch sinh thái Na Hang.

Điểm du lịch:

- Các điểm du lịch chủ yếu gồm điểm du lịch lịch sử cách mạng, du lịch văn hoá, du lịch sinh thái và tâm linh; điểm du lịch sinh thái chủ yếu thuộc các huyện Sơn Dương, Chiêm Hoá, Hàm Yên, Na Hang và thành phố Tuyên Quang.

Các tuyến du lịch chính trong tỉnh:

- Đường bộ: Thành phố Tuyên Quang - Kim Quan - Tân Trào - Bình Ca; thành phố Tuyên Quang - Mỹ Lâm - Đá Bàn; thành phố Tuyên Quang - Hàm Yên - Chiêm Hóa - Na Hang.

Các tuyến du lịch liên tỉnh

- Đường sông: Tuyên Quang - Việt Trì - Hà Nội;

- Đường bộ: Tuyên Quang - Hà Nội; Tuyên Quang - Hà Giang; Tuyên Quang - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng; Tuyên Quang - Yên Bái - Lào Cai; Tuyên Quang - Hải Phòng;

- Đường sắt: Tuyên Quang - Yên Bái - Lào Cai - Trung Quốc; Tuyên Quang - Yên Bái - Hà Nội; Tuyên Quang - Thái Nguyên - Hà Nội.

Các tuyến du lịch quốc tế:

Tuyên Quang - Hà Giang - Côn Minh, Trung Quốc; Tuyên Quang - Lào Cai - Côn Minh, Trung Quốc; Tuyên Quang - Lạng Sơn - Nam Ninh, Trung Quốc; Tuyên Quang - Quảng Ninh - Nam Ninh, Trung Quốc; Tuyên Quang - Nội Bài.

d) Định hướng phát triển các đơn vị hành chính

** Dự báo chung*

Năm 2012 tỉnh Tuyên Quang gồm 07 đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố: Thành phố Tuyên Quang và các huyện: Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Na Hang, Lâm Bình; dự báo đến năm 2020 gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố: Thành phố Tuyên Quang, thị xã Na Hang, huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá, Na Hang mới, Lâm Bình và 1 huyện mới (dự kiến trung tâm huyện đặt tại xã Hồng Lạc).

Dự báo đơn vị hành chính cấp xã đến năm 2025 là 152 đơn vị hành chính

(Biểu phụ lục số 01 kèm theo)

e) Phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh

Dự báo đến năm 2025 là 22 đô thị, trong đó: Đô thị cũ nâng cấp và cải tạo 06 đô thị; đô thị dự kiến phát triển 16 đô thị.

(Biểu phụ lục số 02 kèm theo)

6.2. Định hướng tổ chức hệ thống điểm dân cư nông thôn

* *Mô hình nông thôn mới*

a) Mô hình xã nông thôn mới gắn với phát triển lâm nghiệp.

b) Mô hình xã nông thôn mới gắn với phát triển nông nghiệp.

c) Mô hình xã nông thôn mới gắn với nuôi trồng thủy sản: Xây dựng và phát triển các điểm dân cư nông thôn ven sông, hồ để khai thác phát triển vùng nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản.

d) Mô hình xã nông thôn mới ven đường quốc lộ.

đ) Mô hình xã nông thôn mới gắn với dịch vụ du lịch.

e) Mô hình xã nông thôn mới sản xuất tổng hợp nông, lâm nghiệp thủy sản.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Hệ thống giao thông

a) Giao thông đường bộ:

* *Đường quốc lộ.*

Phát triển hệ thống quốc lộ trên địa bàn tỉnh: Nâng cấp, cải tạo và mở mới 7 tuyến quốc lộ gồm 3 tuyến trục dọc và 4 tuyến trục ngang:

- Ba tuyến dọc: Quốc lộ 2, Quốc lộ 2C và Quốc lộ 2B quy mô đường cấp III miền núi.

- Bốn tuyến ngang: Đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 37, Quốc lộ 37B và Quốc lộ 279 quy mô đường cấp III miền núi.

* *Đường cao tốc:* Đi trùng với hướng tuyến của tuyến đường Hồ Chí Minh quy mô đường cấp I.

* *Đường tỉnh:* Nâng cấp, cải tạo 6 tuyến đường tỉnh đạt quy mô đường cấp IV miền núi: ĐT185, ĐT186, ĐT187, ĐT188, ĐT189, ĐT190.

* *Đường đô thị.*

Tổng chiều dài đường đô thị của tỉnh Tuyên Quang là 162,6 km được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị; tuân thủ theo mạng lưới trong các đồ án quy hoạch xây dựng đồng thời có giải pháp hợp lý khi đấu nối vào các tuyến đường đối ngoại.

** Đường huyện.*

Tổng chiều dài các tuyến đường huyện là 811,75 km; nâng cấp, cải tạo các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, cấp V miền núi.

** Đường giao thông nông thôn.*

Duy trì, củng cố mạng lưới giao thông hiện có, nâng cấp một số tuyến quan trọng, từng bước đưa vào cấp theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đường giao thông nông thôn; xây dựng mới một số tuyến đường nhằm đảm bảo tất cả các xã, trung tâm cụm xã đều có đường cho phương tiện cơ giới vào tới trung tâm.

b) Giao thông đường thủy:

- Trên cơ sở tình hình hoạt động của các tuyến sông, tiến hành nạo vét, chỉnh trị luồng, đảm bảo cho các phương tiện có trọng tải từ 150 đến 200 tấn qua lại thuận lợi và an toàn;

- Cải tạo lòng sông Lô đoạn từ Phan Lương đến thành phố Tuyên Quang với chiều dài 60km để đảm bảo cho xả lan 200 tấn đi lại 4 mùa;

- Xây dựng mới các bến thủy vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang tại thị trấn Na Hang, xã Đà Vị, xã Yên Hoa, xã Thượng Lâm;

- Cải tạo tuyến du lịch lòng hồ thủy điện Tuyên Quang để thu hút và phục vụ tốt du khách;

- Nâng cấp, cải tạo cảng An Hoà, cảng Z2, cảng Gènh Giềng, Gènh Quýt.

c) Giao thông đường sắt:

Theo Quyết định về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, tuyến đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái là tuyến đường đơn cấp 1 với chiều dài toàn tuyến 73km. Tuyến đi qua địa phận tỉnh Tuyên Quang từ xã Mỹ Bằng - huyện Yên Sơn đến điểm cuối tại đèo Ông Cai - xã Hợp Thành - huyện Sơn Dương với chiều dài 46,5km.

d) Đường hàng không

Theo Quyết định 700/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể mạng lưới giao thông tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 xác định Quy hoạch sân bay thuộc địa phận xã An Tường, An Khang, thành phố Tuyên Quang.

đ) Bến, bãi đỗ xe

* Đến năm 2015: Đạt 100% thành phố, thị xã, thị trấn có bến, bãi đỗ xe.

- Nâng cấp, mở rộng bến xe khách của tỉnh tại thành phố Tuyên Quang đạt tiêu chuẩn loại 2.

- Nâng cấp, mở rộng 03 bến xe khách liên tỉnh đạt tiêu chuẩn loại 4, tại thị trấn Na Hang, huyện Na Hang; thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá và thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên.

- Xây dựng mới bến xe loại 5 tại thị trấn Sơn Dương và xây dựng mới bến xe loại 6 tại thị trấn Hồng Lạc (*huyện mới*).

- Xây dựng mới bến xe loại 5 tại thị trấn Lăng Can, huyện Lâm Bình.

- Xây dựng mới bến xe loại 4 tại trung tâm huyện Yên Sơn mới.

* Đến năm 2025: Đảm bảo tất cả các thị trấn chưa có bến, bãi đỗ xe đều có bến, bãi đỗ xe đạt tiêu chuẩn loại 5, loại 6, với quy mô diện tích tối thiểu của mỗi bến, bãi đỗ xe là 1.000 m².

* Trạm nghỉ ô tô: Quy hoạch xây dựng trạm nghỉ kết hợp với dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp nhiên liệu, phục vụ các dịch vụ.... xây dựng 01 trạm nghỉ ô tô khách tại xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn với quy mô diện tích khoảng 0,7 ha trên Quốc lộ 2 và trạm nghỉ Bình Ca có quy mô diện tích khoảng 3 ha trên đường Hồ Chí Minh giao với Quốc lộ 2 tại xã Thái Long, thành phố Tuyên Quang.

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Chọn giải pháp đào đắp, san lấp cục bộ theo địa hình các khu vực xây dựng; không chế cao độ xây dựng cho các đô thị theo các tiêu chí đảm bảo an toàn ngập lũ, thực hiện quản lý cao độ xây dựng; củng cố, xây dựng hệ thống hồ chứa thượng lưu để kiểm soát lũ, khơi thông các lòng sông, lòng suối; xây dựng hệ thống công trình kè chống xói lở ven sông;

- Sử dụng hệ thống thoát nước mặt riêng; các khu vực hiện đang sử dụng cống chung cuối miệng xả được gom vào cống bao và đưa về trạm xử lý; khu vực xây dựng mới sử dụng cống thoát nước riêng; hoàn chỉnh hệ thống thoát nước cho các đô thị, phấn đấu đạt 100% đường nội thị và 70% đường ngoại thị có cống thoát nước mưa;

- Biện pháp phòng chống thiên tai, tai biến địa chất: Lập dự án quy hoạch phòng chống thiên tai để đánh giá tình hình thiên tai trên toàn tỉnh để từng bước cụ thể hóa các dự án khả thi đưa người dân ra khỏi vùng ảnh hưởng của thiên tai.

7.3. Cấp nước:

a) Tiêu chuẩn cấp nước cho sinh hoạt: Theo Quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

b) Nhu cầu cấp nước:

- Giai đoạn 2015:

+ Tổng nhu cầu: 132.000m³/ngày đêm;

+ Khu vực đô thị: 40.000m³/ngày đêm;

+ Khu vực nông thôn, công nghiệp và du lịch: 92.000m³/ngày đêm.

- Giai đoạn 2025:

+ Tổng nhu cầu: 315.000m³/ngày đêm;

- + Đô thị: 110.000m³/ngày đêm;
- + Khu vực nông thôn, công nghiệp và du lịch: 205.000m³/ngày đêm.

7.4. Cấp điện:

a) Nhu cầu cấp điện:

- Giai đoạn đầu (năm 2015): 180,024 MW tương đương 225,029 MVA.
- Giai đoạn dài hạn (năm 2025): 390,953 MW tương đương 488,691 MVA.

b) Nguồn điện:

Hiện tại nguồn cấp từ trạm 110/35/10kV-(16+40) MVA Tuyên Quang, trạm 110/35/22-10kV-16MVA Sơn Dương và trạm 110/35/10kV-1x16MVA Chiêm Hoá; giai đoạn tiếp theo sẽ nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các trạm và đường dây đảm bảo yêu cầu phụ tải, ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có nhiều dự án thủy điện vừa và nhỏ để cấp điện cho khu vực nông thôn.

7.5. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

Phát triển hệ thống thông tin liên lạc trong xu thế phát triển công nghệ thông tin và truyền thông; xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông công nghệ hiện đại, phủ rộng toàn tỉnh, với băng thông rộng, tốc độ cao và chất lượng thông tin đảm bảo độ tin cậy; ứng dụng công nghệ mới vào quản lý nhà nước; xây dựng chính phủ điện tử theo tiêu chuẩn quốc gia.

7.6. Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Thành phố Tuyên Quang và khu đô thị cũ chuyển từ hệ thống thoát nước chung thành hệ thống thoát nước nửa riêng và riêng, các khu vực đô thị loại IV, loại V và các đô thị mới giai đoạn dài hạn sử dụng hệ thống thoát nước riêng.

- Các khu xử lý chất thải rắn được phân theo cấp: Cấp vùng tỉnh có công nghệ xử lý tổng hợp tái chế và chôn lấp hợp vệ sinh phục vụ cho các khu vực: Thành phố Tuyên Quang và huyện lân cận; tại mỗi huyện đều có khu xử lý chất thải rắn riêng.

- Nghĩa trang: Việc xây dựng nghĩa trang phải phù hợp với từng vùng, miền và điều kiện địa hình, đất đai, khoảng cách giữa các đô thị, quy mô dân số và phong tục tập quán, văn hoá của các dân tộc trong vùng.

8. Bảo vệ môi trường

** Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực*

- Bảo vệ môi trường đô thị;
- Bảo vệ môi trường khu công nghiệp;
- Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông lâm nghiệp;
- Bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.

** Chương trình quan trắc và giám sát môi trường*

- Môi trường không khí;
- Môi trường nước ngầm và nước mặt;
- Môi trường đất;
- Chất thải rắn;
- Tiếng ồn.

9. Chương trình dự án ưu tiên đầu tư và dự báo nguồn lực

a) Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

- Công trình kết cấu hạ tầng: Công trình giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, giao thông đường sắt;
- Công trình văn hóa thể thao trọng điểm: Quảng trường tỉnh, khu liên hợp thể thao tỉnh, Dự án bảo tồn, tôn tạo Di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào...
- Công trình bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sống;
- Chương trình phát triển các vùng du lịch nghỉ dưỡng;
- Chương trình phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp và các khu công nghiệp tập trung.

b) Dự báo nguồn lực thực hiện

- Vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và vốn tín dụng phát triển của nhà nước và đầu tư của doanh nghiệp nhà nước khoảng 40%;
- Vốn doanh nghiệp ngoài quốc doanh và tư nhân đầu tư khoảng 50%;
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, ODA, NGO và các nguồn khác khoảng 10%.

10. Tổ chức thực hiện theo cơ chế quản lý phát triển vùng

- Các cơ chế ưu đãi khuyến khích: Phát huy nội lực, đẩy mạnh việc thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài; tranh thủ sự giúp đỡ của Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội;

- Về quản lý nhà nước: Vận hành lồng ghép các quy hoạch ngành trong tỉnh, thống nhất trong tổng thể không gian để tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và đất đai. Quản lý phát triển đô thị theo phân cấp và có sự tham gia của cơ quan quản lý chuyên ngành để lựa chọn đầu tư, đặc biệt đối với các khu đặc thù hoặc có quy mô lớn.

- Lập kế hoạch để triển khai thực hiện quy hoạch vùng, gồm các chương trình quảng bá, giới thiệu quy hoạch, kêu gọi đầu tư. Các hoạt động đầu tư cần có sự thống nhất, tuân thủ các vùng chức năng đã được xác lập trong quy hoạch.

- Lập quy chế quản lý vùng để quản lý phát triển theo nội dung quy hoạch vùng, trong đó xác lập những yêu cầu về quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật để quản lý các quy hoạch xây dựng đô thị và các dự án đầu tư xây dựng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh đến năm 2025 và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2013./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vũ Quang Tiến

PHỤ LỤC 1

Bảng dự báo đơn vị hành chính theo các giai đoạn
(Kèm theo Nghị quyết số 13/2013/NQ-HĐND ngày 18/7/2013
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên đơn vị hành chính	Số đơn vị hành chính 2010			Số đơn vị hành chính 2015			Số đơn vị hành chính 2025					
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				
			Thị trấn, phường	Xã		Thị trấn, phường	Xã		Thị trấn, phường	Xã			
	Toàn tỉnh	141	5	7	129	145	11	14	120	152	19	15	118
1	TP Tuyên Quang	13		7	6	20		9	11	20		10	10
2	Thị xã Na Hang					5		5		5		5	
3	Huyện Na Hang	12	1		11	11	2		9	11	2		9
4	Huyện Lâm Bình	8			8	10	2		8	10	2		8
5	Huyện Chiêm Hoá	26	1		25	24	1		23	27	4		23
6	Huyện Hàm Yên	18	1		17	18	1		17	20	3		17
7	Huyện Yên Sơn	31	1		30	23	3		20	24	4		20
8	Huyện Sơn Dương	33	1		32	34	2		32	22	3		19
9	Huyện mới									13	1		12

PHỤ LỤC 2

Bảng dự kiến phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Nghị quyết số 13/2013/NQ-HĐND ngày 18/7/2013
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Quy mô dân số (người)		
		Giai đoạn 2013-2015	Giai đoạn 2015-2025	Hiện trạng	Năm 2015	Năm 2025
I	Các đô thị nâng cấp và cải tạo					
1	Thành phố Tuyên Quang	III	II	92.178	160.000	225.800
2	Thị xã Na Hang, huyện Na Hang	V	IV	7.481	23.600	35.500
3	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa	V	IV	7.532	10.949	17.003
4	Thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	V	IV	9.311	12.368	19.207
5	Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	IV	IV	13.743	17.550	24.996
6	Thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn	V	V	4.016	5.710	8.050
II	Các đô thị dự kiến phát triển					
1	Thị trấn Đà Vĩ (huyện Na Hang)		V			
2	Thị trấn tại xã Yên Hoa (huyện Na Hang)		V			
3	Thị trấn Lâm Bình, huyện Lâm Bình	V	V			
4	Thị trấn tại xã Thượng Lâm (huyện Lâm Bình)		V			
5	Thị trấn Hòa Phú (huyện Chiêm Hóa)		V			
6	Thị trấn Ngọc Hội (huyện Chiêm Hóa)		V			
7	Thị trấn tại xã Phúc Sơn (huyện Chiêm Hóa)		V			
8	Thị trấn tại xã Phù Lưu (huyện Hàm Yên)		V			
9	Thị trấn tại xã Thái Sơn (huyện Hàm Yên)		V			
10	Thị trấn tại xã Sơn Nam (huyện Sơn Dương)		V			
11	Thị trấn Hồng Lạc (huyện mới)		V			
12	Thị trấn tại xã Tân Trào (huyện Sơn Dương)		V			
13	Thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn	V	IV			
14	Thị trấn Mỹ Bằng (huyện Yên Sơn)		V			
15	Thị trấn tại xã Xuân Vân (huyện Yên Sơn)		V			
16	Thị trấn tại xã Trung Sơn (huyện Yên Sơn)		V			